

Nghiên cứu mối liên hệ giữa trách nhiệm xã hội với việc buộc phải hủy niêm yết các doanh nghiệp thủy sản

Mai Thị Diệu Hằng

Khoa Quản lý kinh doanh, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội

Bài báo tập trung nghiên cứu thực trạng và phân tích nguyên nhân của việc một số doanh nghiệp thủy sản niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam phải dừng niêm yết trong những năm gần đây. Từ kết quả nghiên cứu khám phá, bài báo đưa ra một số khuyến nghị về việc chủ động thực hiện trách nhiệm xã hội trên 4 khía cạnh: pháp luật, kinh tế, đạo đức và nhân văn để giúp các doanh nghiệp thủy sản niêm yết phát triển bền vững hơn và gia tăng hiệu quả kinh doanh trong thời gian sắp tới.

1. Mở đầu

Ngành thủy sản của Việt Nam trong bối cảnh kinh tế hiện nay với sự ảnh hưởng của đại dịch Covid vẫn đang được coi là ngành mũi nhọn và ổn định. Cho dù gặp nhiều cản trở trong lĩnh vực vận tải xuất khẩu hàng hóa, nhiều doanh nghiệp thủy sản vẫn nhanh chóng có được những hợp đồng xuất khẩu lớn đi các khu vực thị trường mạnh ngay từ năm 2019. Các doanh nghiệp thủy sản niêm yết luôn luôn là những đầu tàu của ngành thủy sản trong việc phát huy các thế mạnh của mình và mở rộng kinh doanh. Tuy vậy trong một số năm gần đây cũng có những đơn vị gặp phải khó khăn trong kinh doanh và buộc phải dừng niêm yết. Tại sao lại xảy ra hiện trạng này? Nguyên nhân vì đâu? Vấn đề này có liên quan gì tới việc thực hiện trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp hay không? Bài báo đi sâu phân tích thực trạng và tìm hiểu nguyên nhân tại một số doanh nghiệp điển hình để trả lời cho các câu hỏi trên.

2. Phương pháp nghiên cứu

Tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính là nghiên cứu tình huống Case Study trên những doanh nghiệp buộc phải hủy niêm yết giai đoạn 2015-2020. Các doanh nghiệp đó là: Tập đoàn Thủy sản Minh Phú, Công ty cổ phần thủy sản Việt Nhật, Công ty cổ phần NTACO, Công ty cổ phần Việt An.

Tác giả nghiên cứu trường hợp Công ty cổ phần thủy sản Minh Phú hủy niêm yết sau đó đã quay trở lại sàn giao dịch chứng khoán như thế nào.

Trên cơ sở phân tích các tình huống tác giả chỉ ra Có mối liên hệ giữa việc tốt hay không trách nhiệm xã hội của các doanh nghiệp thủy sản với việc một số đơn vị bị bắt buộc hủy niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Việt Nam.

3. Kết quả nghiên cứu

Trước những yêu cầu ngày càng tăng của các thị trường nhập khẩu trên thế giới về việc sản phẩm làm ra phải có tính thân thiện và hạn chế tác động tới môi trường tự nhiên ngay từ khâu sản xuất, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR) đang ngày càng trở thành một công cụ quan trọng để doanh nghiệp tạo được lợi thế cạnh tranh, nâng cao hiệu quả kinh doanh và phát triển bền vững. Thực hành CSR chính là việc đáp ứng các quy định về chất lượng an toàn thực phẩm, sản xuất thân thiện với môi trường, khai thác có tính đến bảo vệ nguồn thủy sản và bảo đảm các quyền của người lao động. Thông qua việc ban hành hệ thống quy định về lao động, môi trường và an toàn vệ sinh thực phẩm, từ trước đến nay Nhà nước ta luôn yêu cầu các doanh nghiệp thực thi CSR. Có nghĩa là, việc thực hành CSR không chỉ nhằm đáp ứng yêu cầu của đối tác mà còn là nghĩa vụ của doanh nghiệp trước pháp luật.

3.1. Thực hiện các CoC

Xét riêng về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, nhiều hệ thống chứng nhận về CSR được các khách hàng quốc tế yêu cầu đối với thủy sản Việt Nam như: ISO 14001, BSCI, Global Gap, EU code, US. FDA, BAP, GMP, NAFIQAD HALAL, BRC, tiêu chuẩn ASC, chứng nhận MSC, HACCP, REACH, GS... Tuy nhiên việc thực hiện mới bước đầu tập trung ở các nhà máy chế biến thủy sản. Trong các doanh nghiệp mẫu nghiên cứu tác giả tổng hợp được, hầu hết các doanh nghiệp đều chủ động đạt được những chứng nhận quan trọng mà khách hàng, đối tác yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm. Ví dụ Global Gap, HACCP, ISO 9001: 2000, EU.CODE... Điều đó lý giải sản phẩm của các doanh nghiệp đều được khách hàng ở khắp các thị trường đón nhận nên doanh thu không ngừng tăng lên qua các năm.

3.2. Nghiên cứu điển hình Tập đoàn thủy sản Minh Phú (Mã CK MPC)

Minh Phú là tập đoàn thủy sản lớn của Việt Nam và trên trường quốc tế với sản phẩm có mặt ở trên 50 quốc gia. Là một tập đoàn rất lớn với sản phẩm chính là tôm, Minh Phú có những cam kết phát triển bền vững về an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội và quyền lợi, sức khỏe vật nuôi.

Bảng 1: Kết quả kinh doanh của Tập đoàn Minh Phú trong 5 năm 2015-2020 (tỷ đồng)

Chỉ tiêu	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
DTT	15.224,8	12.472,34	12.064,29	15.767,1	17.023,05	17.074,1	14.377,1
LN ST	921.048	6.945	81.891	714.163	990.000	2.300.000	915.000

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn đã kiểm toán

Tập đoàn có các chứng nhận quản lý chất lượng sản phẩm và bảo vệ môi trường đáp ứng các yêu cầu khách hàng từ thị trường Bắc Mỹ, Châu Âu và Nhật Bản: Global Gap, Bap, ASC, MSC, Organic EU, HACCP, BIO Suisse, ISO 14001... Để thực hiện những cam kết này, Minh Phú phát triển chuỗi cung ứng với các công ty con là Minh Phú Lộc An, Minh Phú An Giang, các vùng nuôi tôm sinh thái. Minh Phú còn phối hợp đầu tư Logistic cho hệ thống kho lạnh tại Hậu Giang. Minh Phú có các công ty con chuyên về nuôi trồng thủy sản, cung cấp chế phẩm sinh học, công ty về giống, về chuỗi cung ứng, chế biến thủy sản. Việc sở hữu các chuỗi giá trị khép kín và có trách nhiệm đã giúp Minh Phú xây dựng được hệ sinh thái hoàn chỉnh mang lại giá trị cho các thành viên, đối tác, khách hàng và cộng đồng. Tiêu chí đặt ra là thiết lập mô hình chuỗi giá trị có trách nhiệm ở từng khâu sản xuất và cam kết chất lượng sản phẩm ở từng khâu.

Doanh thu của Minh Phú không ngừng tăng lên qua các năm cho thấy sự phát triển mạnh mẽ và vững chãi. Minh Phú đã lựa chọn được những sản phẩm tôm có chất lượng, có giá trị gia tăng cao được khách hàng thế giới ưa chuộng. Minh Phú đã tập trung tạo những sản phẩm khác biệt có khả năng cạnh tranh rất cao. Đây là biện pháp tốt nhất để Minh Phú đạt kết quả kinh doanh như trên. Riêng năm 2015, doanh thu và lợi nhuận có giảm sút. Nguyên nhân chủ yếu từ khách quan. Năm 2015, các đối thủ cạnh tranh từ Thái Lan, Indonexia và Ấn Độ được hậu thuẫn bởi chính sách tỷ giá thả nổi đã đẩy mạnh xuất khẩu. Tôm Minh Phú với chi phí và giá cao hơn 20% gặp phải nhiều khó khăn trên thị trường. Chi phí bán hàng gia tăng, giá vốn tăng do chi phí thu mua, chi phí lưu kho lưu bãi tăng. Điều này khiến Minh Phú lỗ khoảng gần 7 tỷ đồng. Nuôi tôm đạt các tiêu chuẩn chất lượng đã đăng ký thực sự tốn nhiều chi phí và đã đẩy giá thành tôm trong nước lên cao hơn. Điều này cũng chỉ ra cho nhiều DN thủy sản ở Việt Nam thấy rõ rằng, khi chúng ta cam kết trách nhiệm DN có thể cũng phải đối mặt với vấn đề hiệu quả tài chính không được như mong muốn.

Tuy vậy năm 2016, doanh thu của Minh Phú cũng đã tăng trở lại ngoạn mục và lợi nhuận tăng lên hơn

81 tỷ đồng. Năm 2017, lợi nhuận cũng đạt trên 271 tỷ đồng. Sự gia tăng lợi nhuận trở lại một cách nhanh chóng cho thấy, những chiến lược phát triển của Minh Phú là đúng đắn. Những quyết định đầu tư trong những năm trước cho việc phát triển các vùng tôm sinh thái, cho sự khép kín của chuỗi giá trị tôm từ con giống, thức ăn, đến chăm sóc đạt chuẩn, thu hoạch và chế biến xuất khẩu đã thực sự phát huy hiệu quả có tính lâu dài.

Minh Phú rời sàn chứng khoán năm 2015 nhưng cũng đã quay lại niêm yết trên sàn chứng khoán năm 2017 và thu hút các nhà đầu tư nội mạnh mẽ với mức giá đáng ghi nhận. Mặc dù Minh Phú là minh chứng cho vấn đề hiệu quả kinh doanh phụ thuộc nhiều vào yếu tố khách quan như chính sách vĩ mô, qui định luật pháp kinh doanh tại Việt Nam và quốc tế nhưng Minh Phú cũng là tấm gương sáng cho những chiến lược phát triển đúng đắn của DN trong ngành thủy sản: phát triển một cách có trách nhiệm và hiệu quả. Cũng từ điển hình này cho thấy có mối liên hệ chặt chẽ giữa việc thực hiện TNXH với hiệu quả kinh tế - tài chính của các DN thủy sản ở Việt Nam. Việc thực hiện tốt TNXH là điều kiện rất cơ bản để các DN phát triển hiệu quả và bền vững.

3.3. Nghiên cứu điển hình 3 doanh nghiệp thủy sản bị hủy niêm yết

ATA-Công ty cổ phần NTACO, VNH-Công ty cổ phần thủy sản Việt Nhật, AVF-Công ty cổ phần Việt An đều bị hủy niêm yết trên thị trường đầu năm 2017 vì thua lỗ liên tiếp 3 năm.

Bảng 2: Kết quả kinh doanh của ba doanh nghiệp điển hình (tỷ đồng)

Mã CK	Chỉ tiêu	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020
ATA	DTT	253,38	84,62	60,76	5,684	2,340	1,800	0,9
	LNST	(14,4)	(425,67)	1,48	(163,7)	(6,93)	(4,92)	(5,07)
AVF	DTT	155,12	102,37	140,01	113,91	123,67	93,27	35,57
	LNST	(892,62)	(349,71)	(844,47)	(81,107)	(116,43)	(107)	(90)
VNH	DTT	17,68	10,91	8,8	19,1	20,99	20,51	2,112
	LNST	(43,54)	(7)	(23,86)	(23,85)	(1,26)	9,35	0,549

Nguồn: Báo cáo tài chính của các doanh nghiệp.

Các doanh nghiệp này gặp khó khăn do vấn đề thị phần xuất khẩu bị ảnh hưởng. Công ty cổ phần Việt An (AVF) năm 2014 bị ảnh hưởng rất lớn bởi việc áp thuế chống bán phá giá từ thị trường Mỹ- POR 10 thuế suất 2,39%. Mỹ lại là thị trường xuất khẩu chính của doanh nghiệp. Nhà nhập khẩu từ chối. Doanh thu sụt giảm rất mạnh. Giá vốn giảm không cùng tốc độ. (Hàng tồn kho lớn đã phải thanh lý giá rẻ). Cộng với chi phí khác tăng đột biến khiến doanh nghiệp bị lỗ nặng. Thua lỗ liên tục trong 3 năm khiến doanh nghiệp sẽ bị buộc hủy niêm yết. Hơn nữa, việc phụ thuộc vào nợ vay lên tới 78% năm 2013 khiến nguy cơ phá sản vì không trả được nợ là rất cao. Tình trạng tương tự xảy đến với hai mã CK ATA và VNH. Năm 2017 các doanh nghiệp này đã bị hủy niêm yết trên sàn chứng khoán Việt Nam. Công ty CPTS Việt Nhật lỗ do chấp nhận bán dưới giá vốn để

tiêu thụ hàng tồn kho quá lớn. Bán dưới giá vốn, thanh lý tài sản giúp Việt Nhật xử lý được vấn đề dòng tiền để trả nợ ngắn hạn và dài hạn. Năm 2016, nợ ngắn hạn và dài hạn về 0 nhưng công ty lỗ 3 năm liên tiếp. Qui mô vốn sụt giảm mạnh mẽ. Tuy vậy tại công ty này có dấu hiệu vi phạm pháp luật về tham ô tài sản đang được thanh tra. Vấn đề trách nhiệm xã hội với cổ đông được đặt ra rất bức thiết hơn bao giờ hết.

Theo bảng trên các doanh nghiệp có các mã CK ATA, AVF, VNH thì việc đạt được các chứng nhận không nhiều. Tiêu thụ khó khăn, doanh thu sụt giảm, kinh doanh thua lỗ trong 3 năm 2014-2016 là minh chứng rõ nét cho sự tác động tiêu cực của việc thiếu trách nhiệm đến hiệu quả kinh doanh của các DN. Hậu quả của quá trình sụt giảm hiệu quả kinh doanh vẫn còn tiếp diễn đến các năm sau 2018 đến 2020 vẫn chưa có dấu hiệu khởi sắc. Chỉ riêng Công ty Việt Nhật có lợi nhuận dương trở lại nhưng qui mô kinh doanh lại giảm nhanh chóng. Những khó khăn thực sự là rất lớn và có thể các đơn vị phải đối mặt với phá sản.

4. Kết luận từ nghiên cứu điển hình

Thứ nhất, những doanh nghiệp kinh doanh có bài bản tập trung cao vào lĩnh vực kinh doanh chính, tôn trọng lợi ích của khách hàng, tuân thủ luật pháp thì sẽ có nhiều cơ hội giành được hiệu quả kinh doanh tốt hơn. Cho dù khi có những nhân tố từ bên ngoài ảnh hưởng không tốt trong thời kỳ nhất định thì các doanh nghiệp này cũng có thể vượt qua bằng chính năng lực của mình. Ngược lại, những doanh nghiệp thiếu sự nghiêm túc và không chủ động đáp ứng nhu cầu từ thị trường trong hoạt động kinh doanh sẽ gặp nhiều khó khăn trong quá trình hoạt động lâu dài.

Thứ hai, hiệu quả kinh tế tài chính của các doanh nghiệp không chỉ phụ thuộc vào các quyết định tài chính của đội ngũ lãnh đạo trong doanh nghiệp. Nó bị chi phối bởi rất nhiều các nhân tố phi tài chính đến từ thị trường, đến từ vấn đề đạo đức kinh doanh hay vấn đề con người trong các doanh nghiệp. Một doanh nghiệp vững mạnh cần phải giải quyết được các bài toán tổng hợp liên quan đến vấn đề hoạt động sản xuất kinh doanh chung và vấn đề kinh tế tài chính.

Thứ ba, phát triển chuỗi sản xuất kinh doanh và chuỗi giá trị gia tăng là bài toán khoa học và hiệu quả dành riêng cho các doanh nghiệp thủy sản trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay, khi mà doanh nghiệp thủy sản ở Việt Nam qui mô vừa và nhỏ đang là phổ biến.

5. Kết luận và khuyến nghị

Thực sự có một mối liên hệ mật thiết giữa kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp thủy sản Việt Nam với việc thực hiện trách nhiệm xã hội tại các đơn vị đó. Mặc dù doanh nghiệp thủy sản cũng có nhiều điểm đặc thù nhưng đây cũng có thể coi là cảnh báo chung đối với các doanh nghiệp ngành khác. Doanh nghiệp bị hủy niêm yết vì kết quả kinh doanh kém vẫn có cơ hội để đảo ngược tình thế và quay lại. Nhưng đó là khi doanh nghiệp đó có sự đầu tư bài bản và có những chiến lược phát triển đúng đắn. Còn nếu tư duy chiến lược chỉ là ngắn hạn thì rất dễ gặp phải những rủi ro kinh doanh đến từ cả yếu tố bên trong và bên ngoài. Sau đây là một số khuyến nghị:

Thứ nhất, các doanh nghiệp thủy sản niêm yết hiện vẫn đang đủ điều kiện niêm yết cần xác định lại mục tiêu chiến lược và lập các kế hoạch hoạt động kinh doanh cho từng giai đoạn cụ thể.

Thứ hai, các doanh nghiệp cần chuẩn bị các điều kiện tốt nhất và dành chi phí đầu tư cho những điều kiện cần và đủ để đáp ứng yêu cầu đến từ thị trường trong và ngoài nước. Những chi phí này có thể ảnh hưởng đến lợi ích trước mắt nhưng hạn chế rủi ro và đem lại lợi ích lâu dài cho các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Thứ ba, hãy coi những vấn đề của các doanh nghiệp đã và đang bị hủy niêm yết là bài học cho doanh nghiệp mình, để từ đó kiện toàn và xây dựng doanh nghiệp trên một nền tảng vững chắc hơn: Đó là giải quyết tốt những vấn đề mà lý luận về trách nhiệm xã hội đặt ra./.

Tài liệu tham khảo

Phạm Thị Thanh Hòa (2016), Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến cơ cấu nguồn vốn của các doanh nghiệp thủy sản niêm yết tại Việt Nam, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp học viện, Học viên Tài chính.

Ngô Thị Hoài Nam (2017), Kế toán quản trị chi phí môi trường tại các doanh nghiệp chế biến thủy sản Việt Nam.

Bùi Đức Tuấn (2010), Nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành chế biến thủy sản Việt Nam, Luận án tiến sĩ.

Website Hiệp hội thủy sản Việt Nam Vasep, Tổng cục thủy sản Việt Nam, Website của các Công ty cổ phần Việt An, Tập đoàn thủy sản Minh phú, Công ty cổ phần Việt Nhật.

Các báo cáo thường niên của một số doanh nghiệp thủy sản niêm yết.